

Số: TVHN-45 /DBQG

Hà Nội, ngày 14 tháng 2 năm 2026

## BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN

### I. Diễn biến xu thế thủy văn

#### 1. Lưu vực sông Hồng

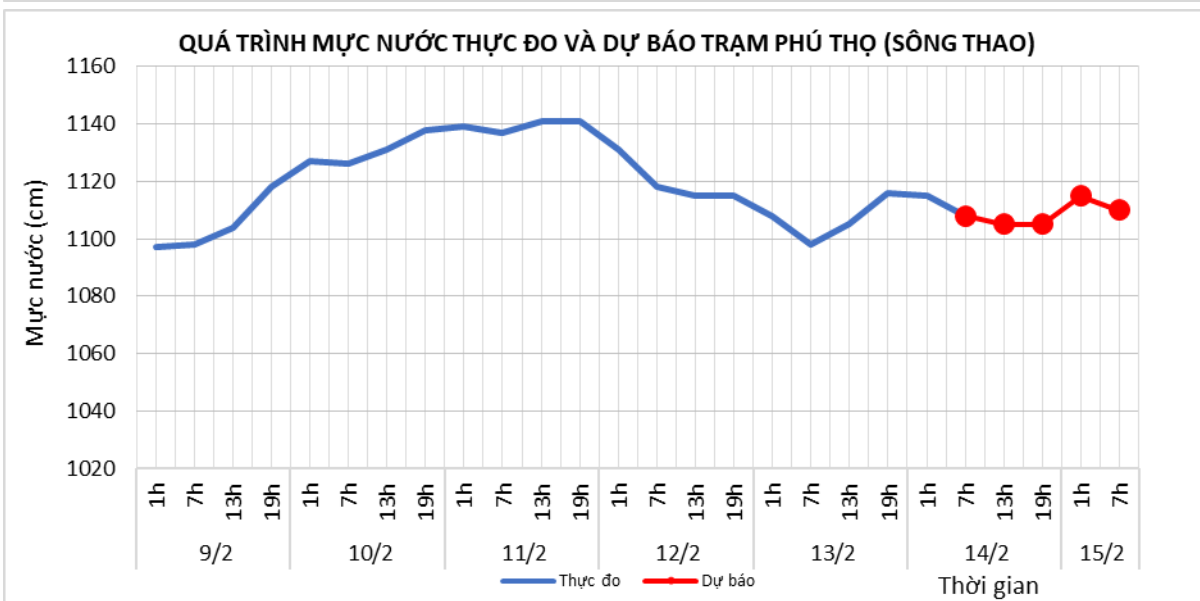
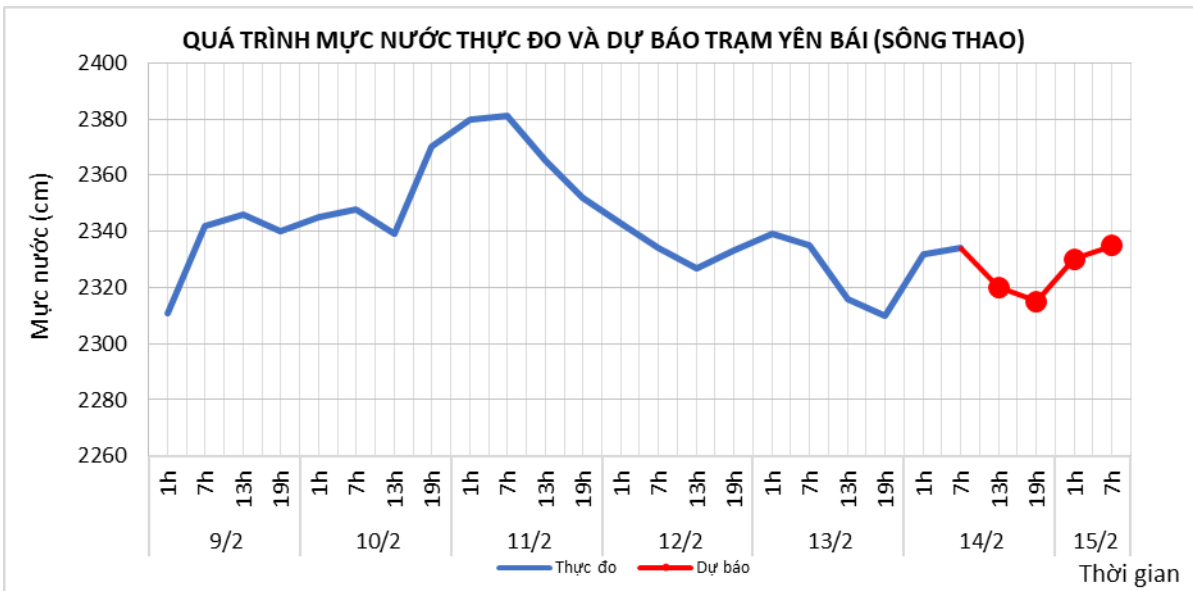
##### 1.1. Sông Thao

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ đang biến đổi chậm.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.



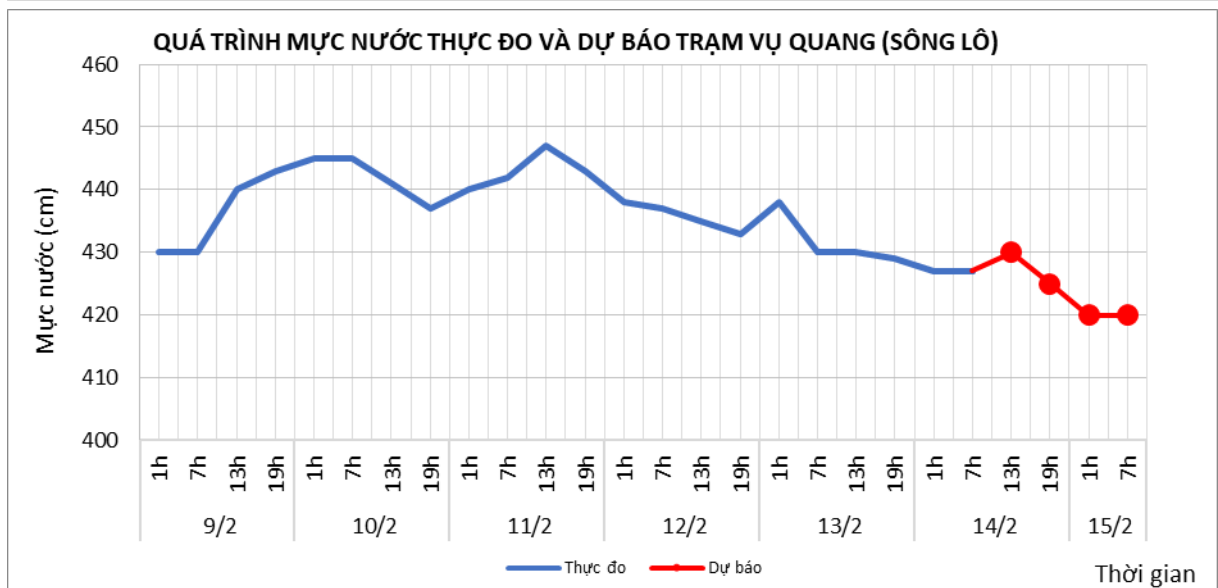
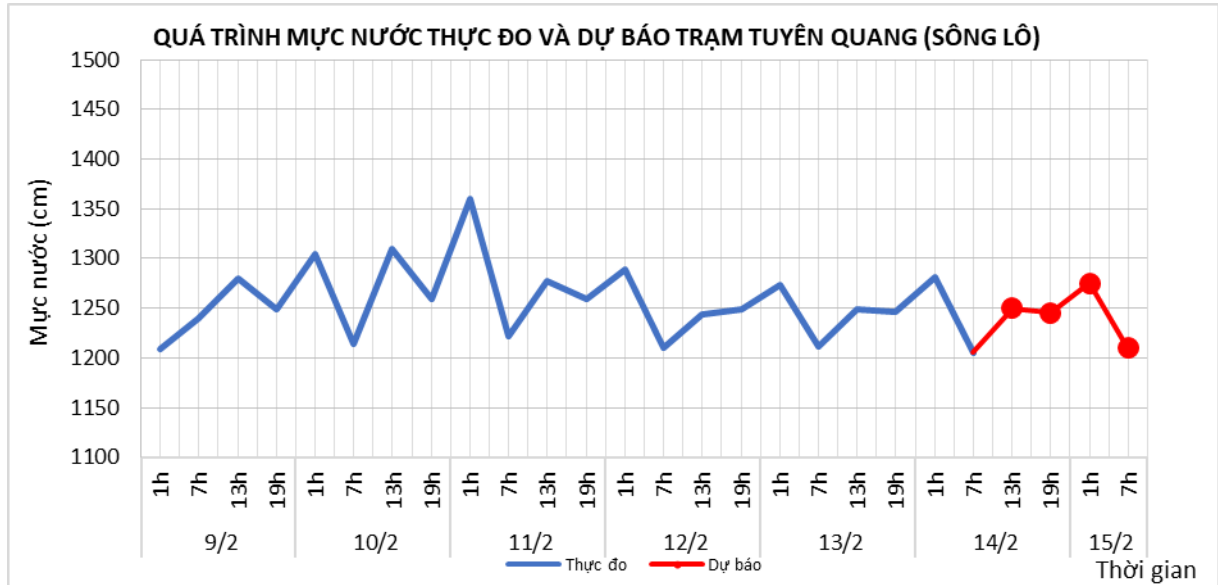
## 1.2. Sông Lô

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang đang dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang sẽ tiếp tục dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.



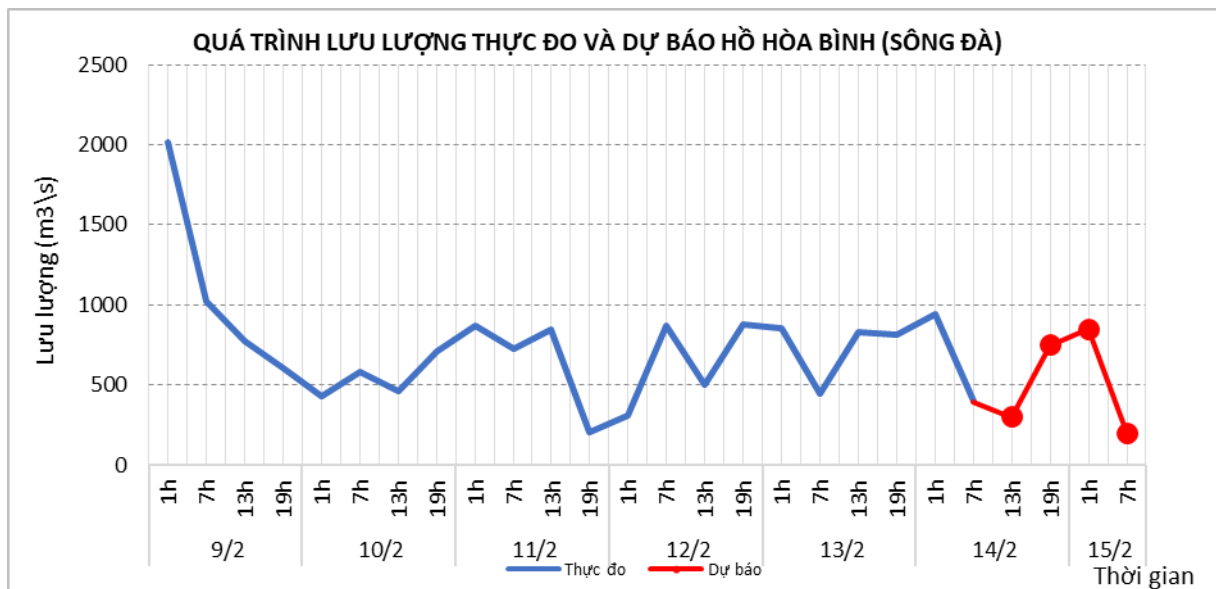
## 1.3. Sông Đà

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



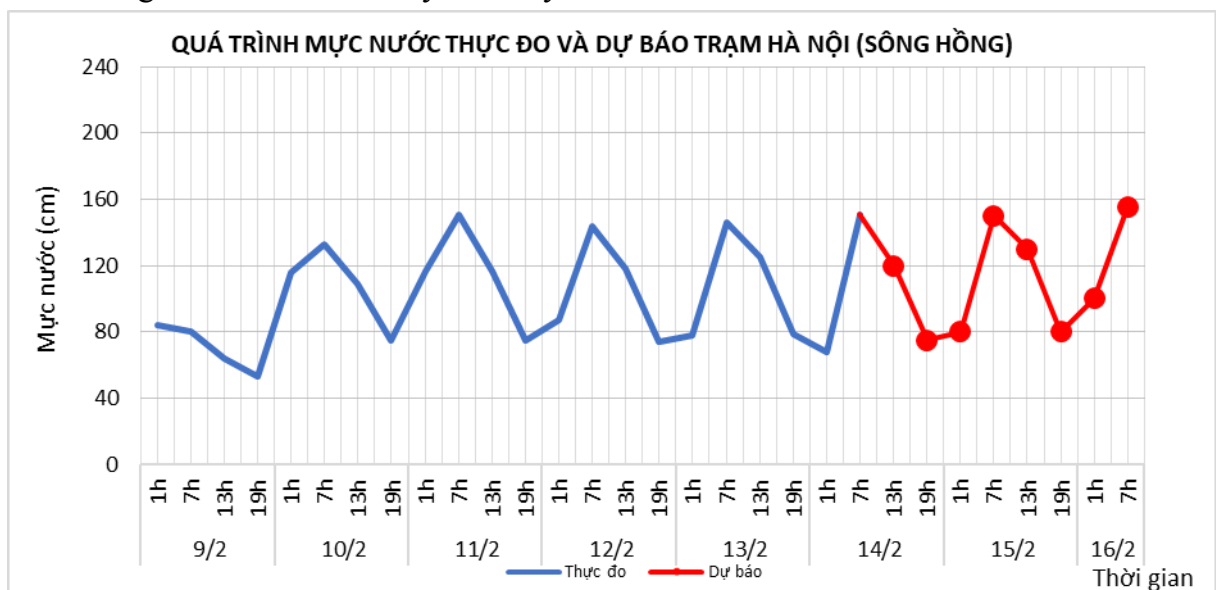
## 1.4. Sông Hồng

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội dao động theo triều và chịu ảnh hưởng điều tiết từ các thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội sẽ dao động theo triều và chịu ảnh hưởng điều tiết từ các thủy điện tuyến trên.



## 2. Lưu vực sông Thái Bình

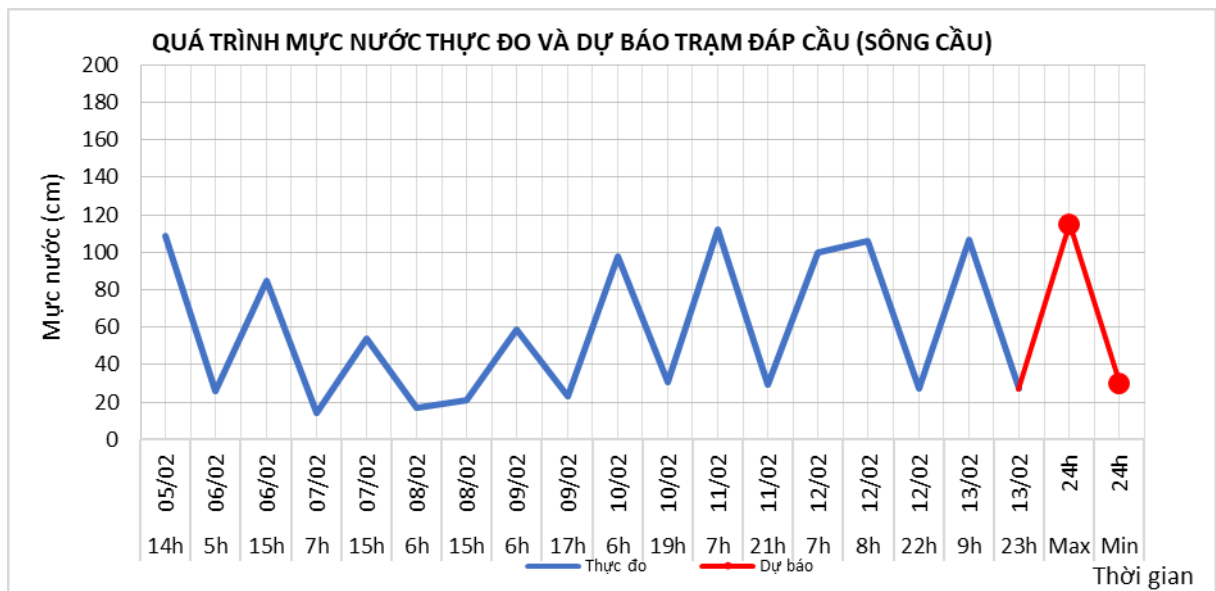
### 2.1. Sông Cầu

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu đang dao động theo thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Cầu tại trạm Đáp Cầu tiếp tục dao động theo thủy triều.



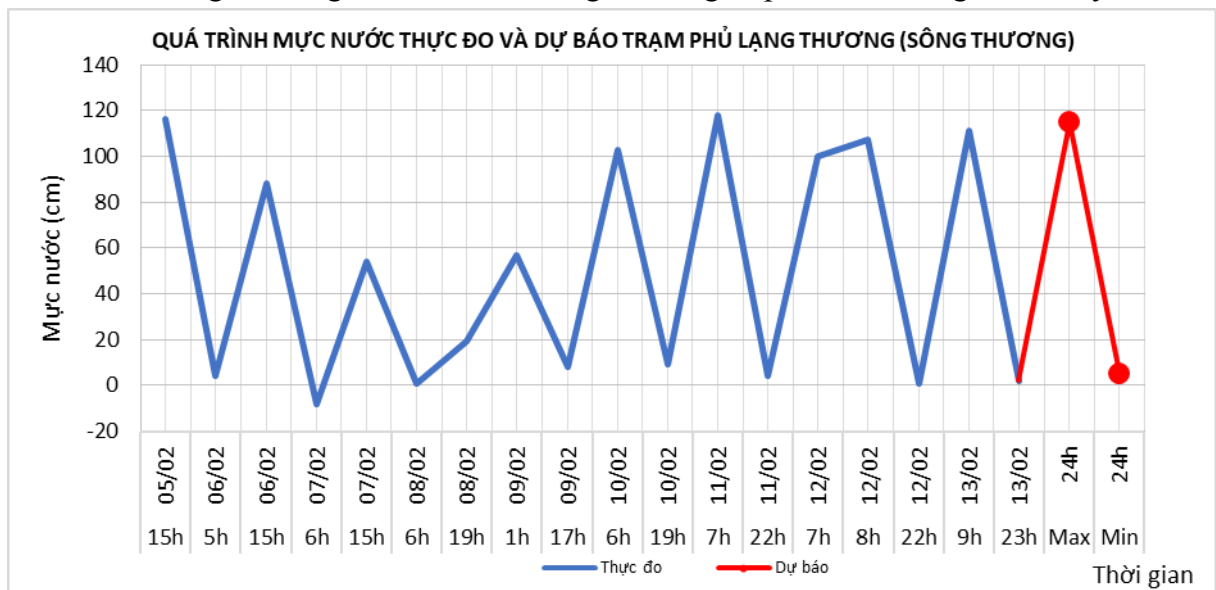
## 2.2. Sông Thương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương đang dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương tiếp tục dao động theo thủy triều.



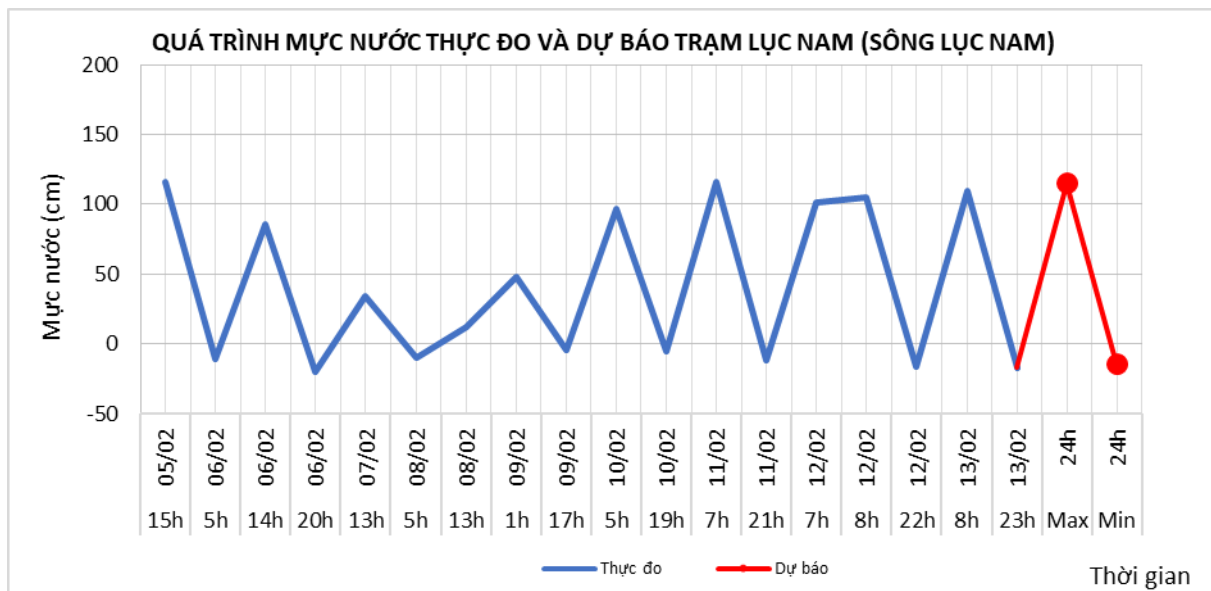
## 2.3. Sông Lục Nam

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam đang dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam tiếp tục dao động theo thủy triều.



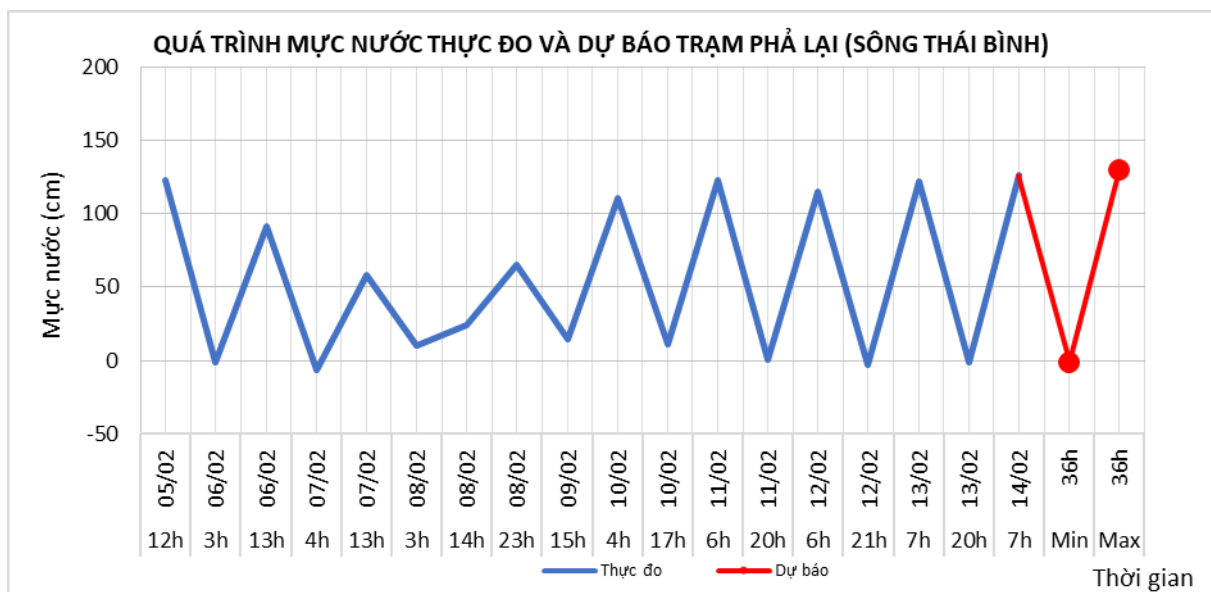
## 2.4. Sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình đang dao động theo ảnh hưởng của thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại dao động theo ảnh hưởng của thủy triều. Trong 36h tới, mức nước tại trạm Phả Lại dự báo cao nhất là 1,30m; thấp nhất là -0,01m.



## 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

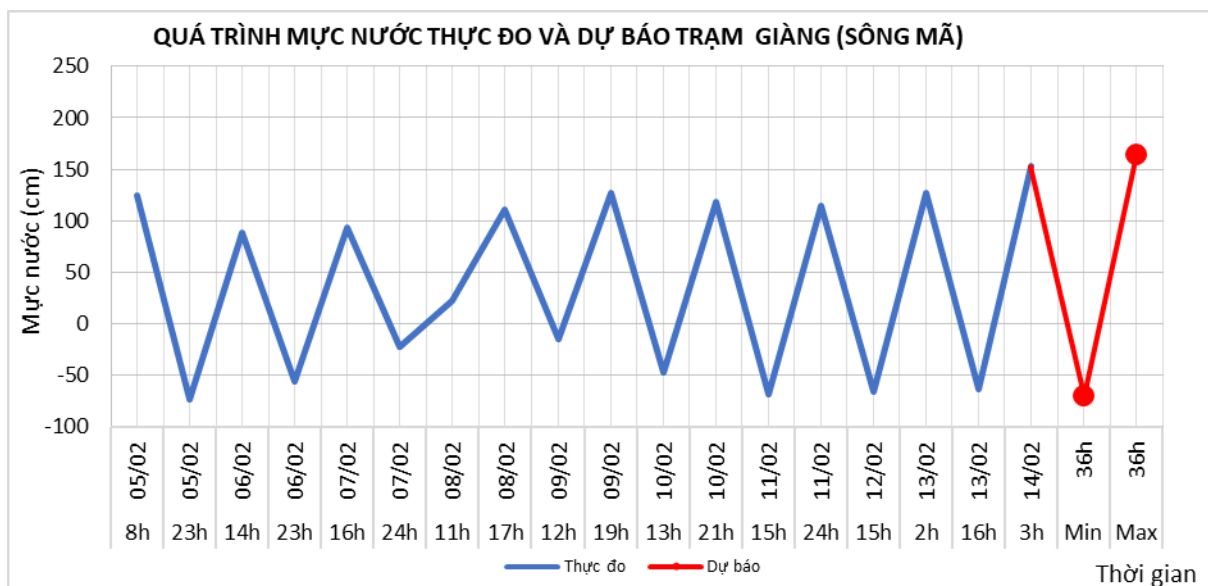
### 3.1. Sông Mã

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.



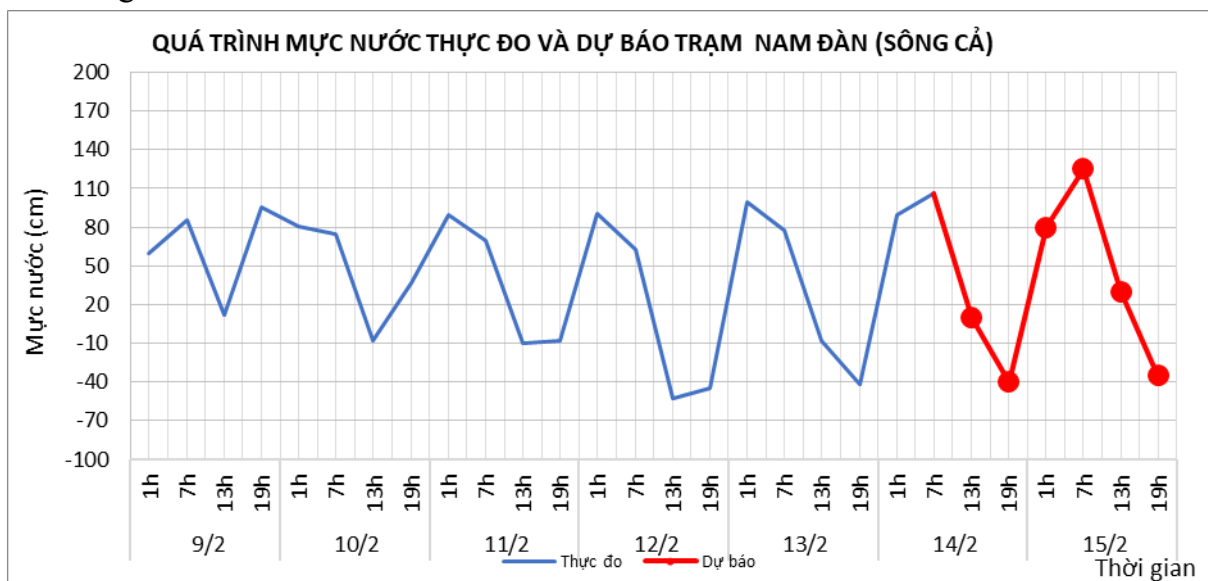
### 3.2. Sông Cả

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.



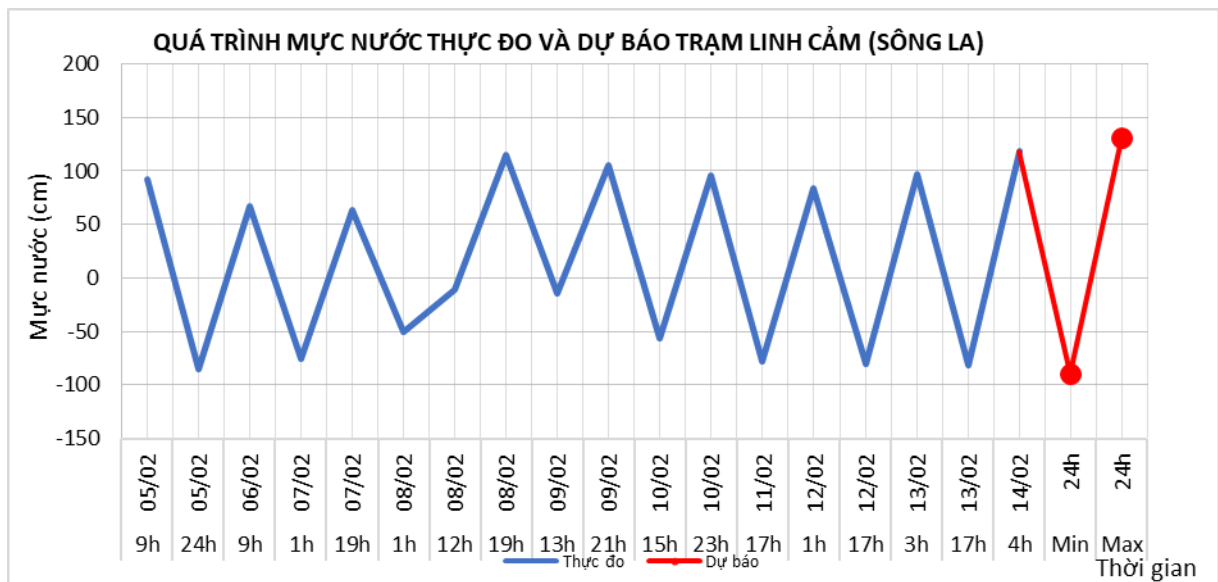
### 3.3. Sông La

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố biến đổi chậm, hạ lưu sông La dao động theo triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố biến đổi chậm, hạ lưu sông La dao động theo triều.



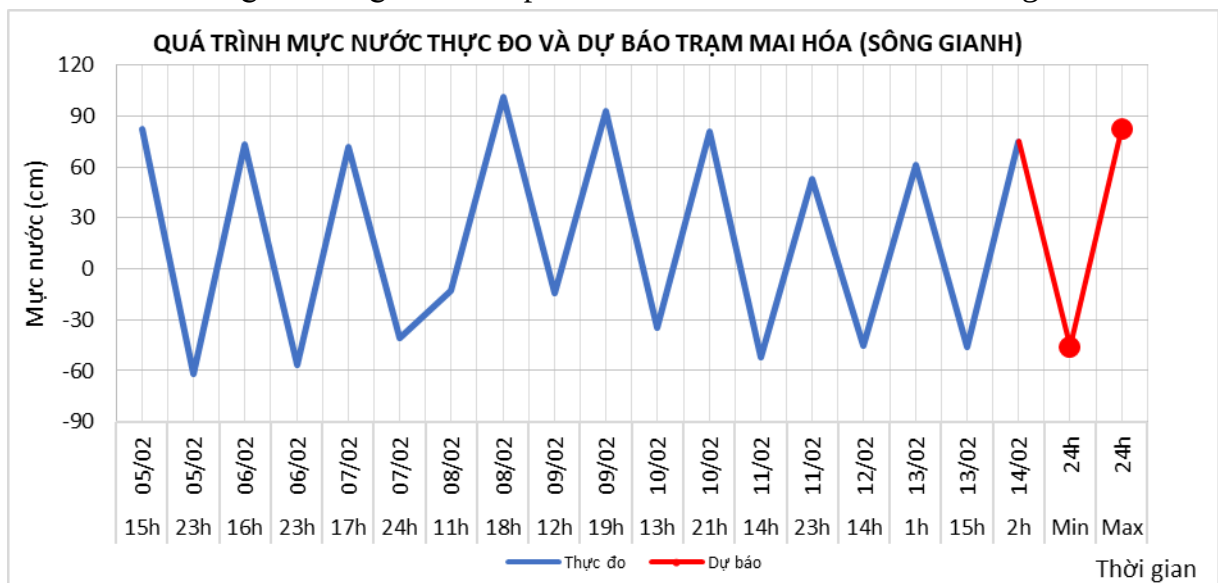
### 3.4. Sông Gianh

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Gianh biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu sông Gianh tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.



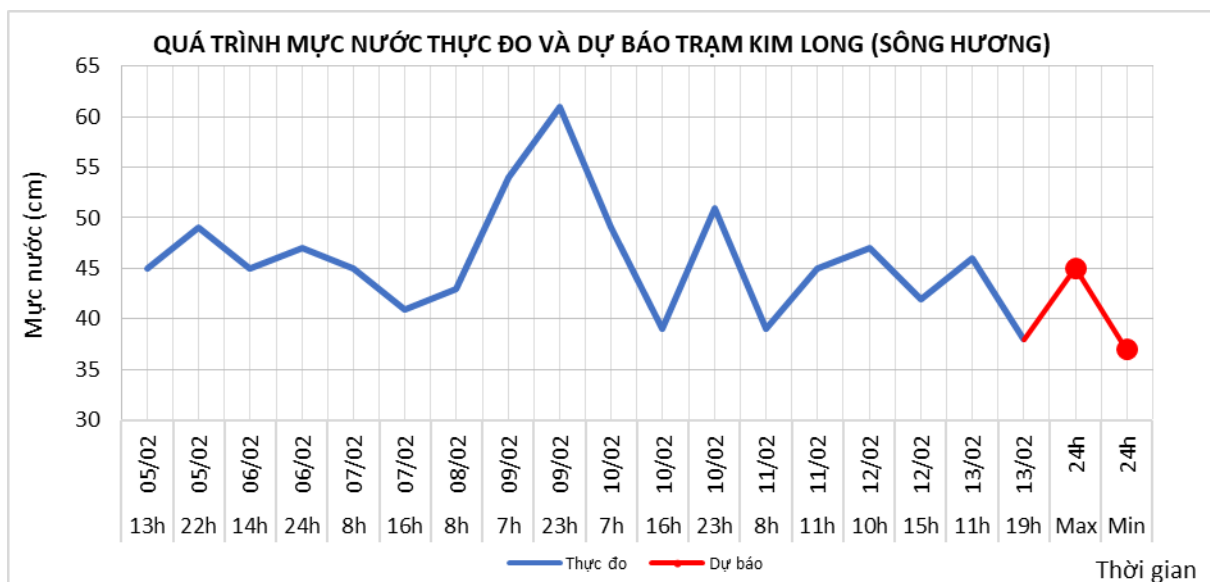
### 3.5. Sông Hương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hương dao động theo điều tiết hồ chứa.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hương tiếp tục dao động theo điều tiết hồ chứa.



#### 4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

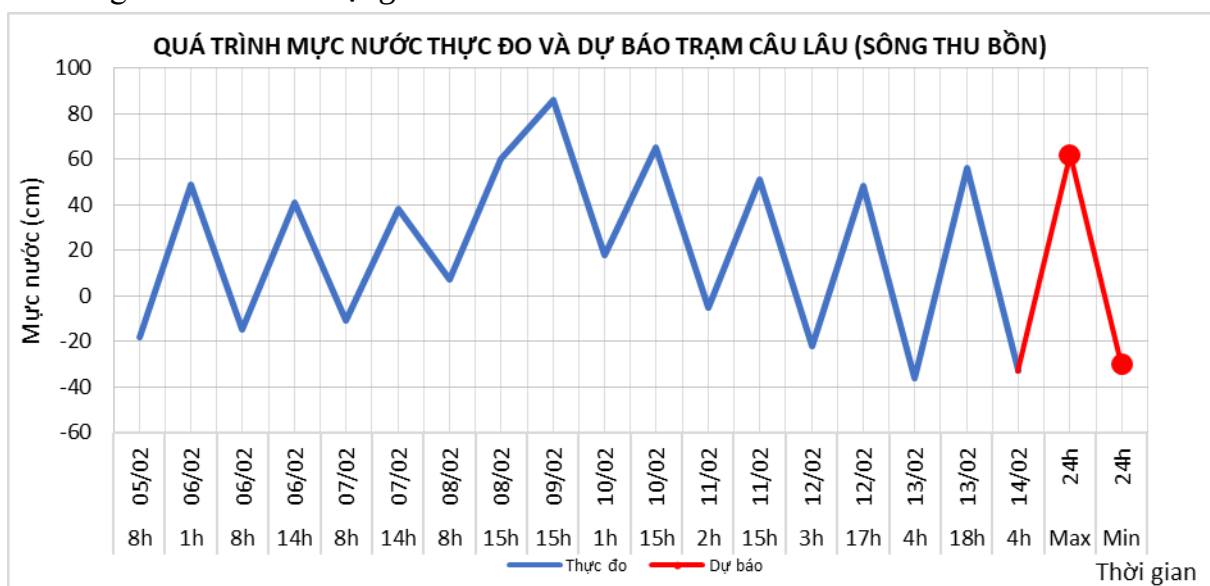
##### 4.1. Sông Vu Gia Thu Bồn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Vu Gia và trung, thượng lưu Thu Bồn biến đổi chậm, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Vu Gia và trung, thượng lưu Thu Bồn tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.



##### 4.2. Sông Trà Khúc

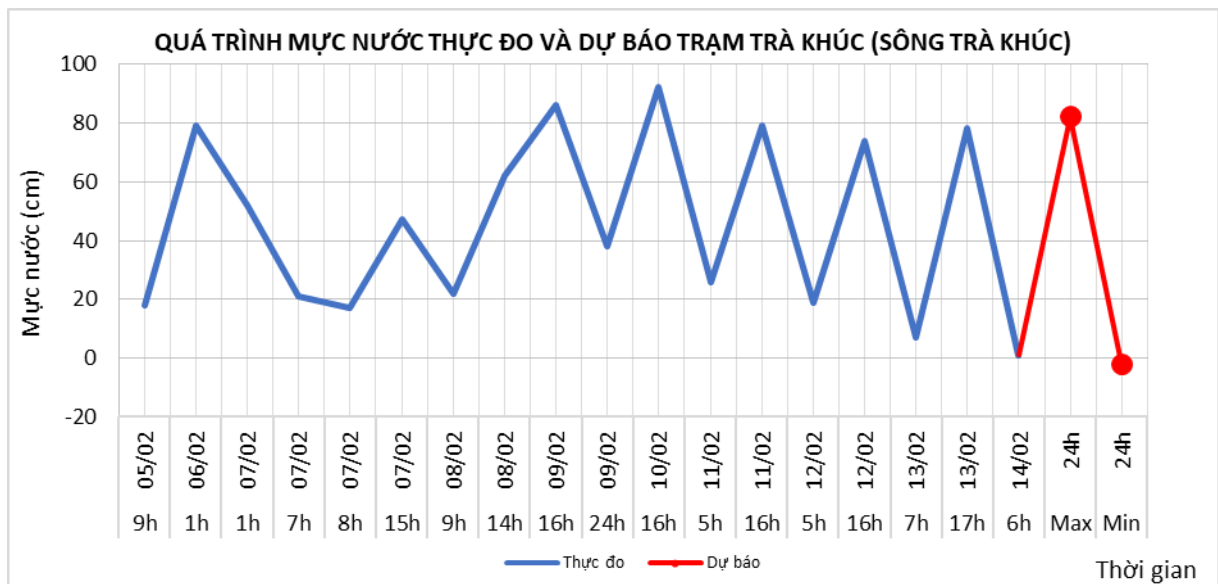
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Trà Khúc biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Trà Khúc tiếp tục biến đổi chậm.





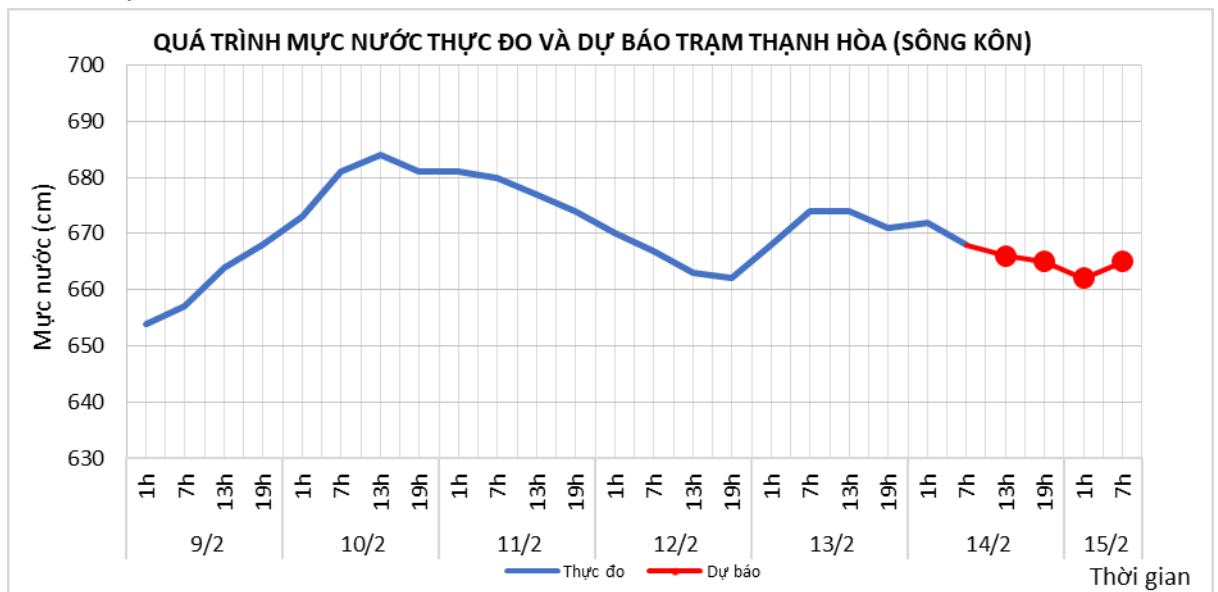
### 4.3. Sông Kôn

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa có dao động nhẹ theo vận hành của công trình thủy lợi.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động nhẹ theo vận hành của công trình thủy lợi.



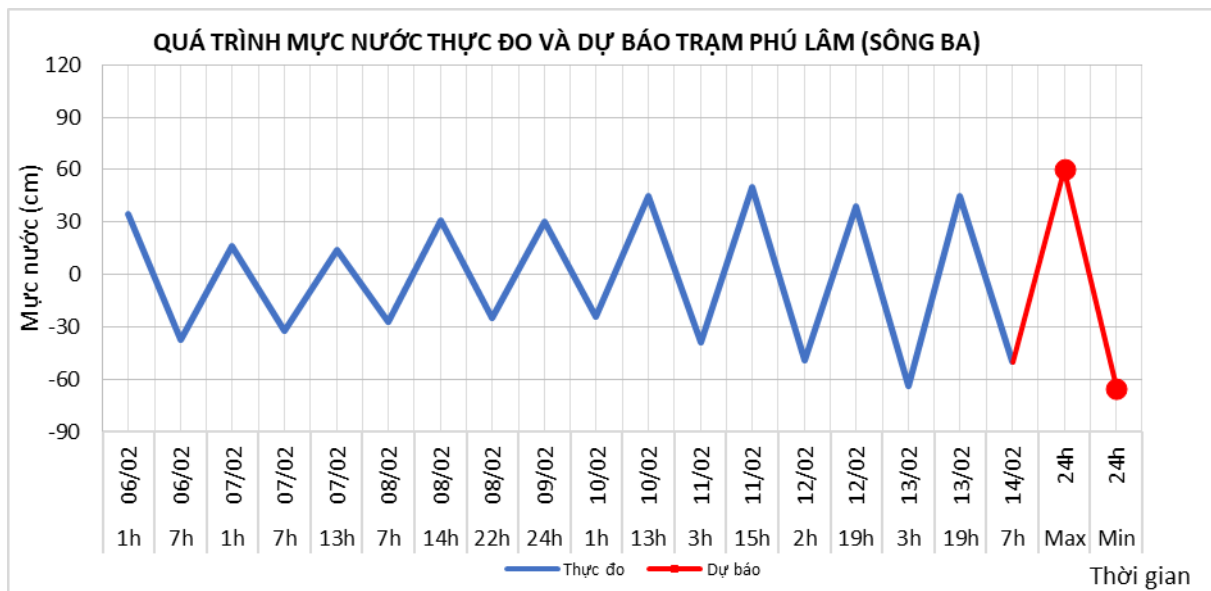
### 4.4. Sông Ba

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Ba tiếp tục dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.



## 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

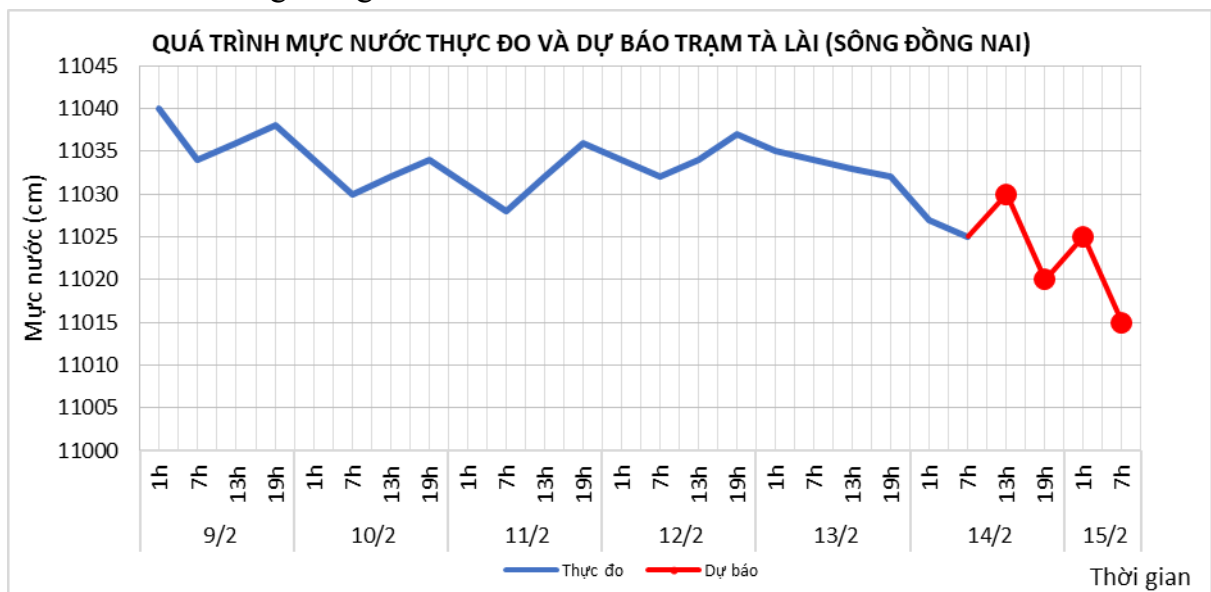
### 5.1. Sông Đồng Nai

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai xuống chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại Tà Lài sẽ biến đổi chậm.



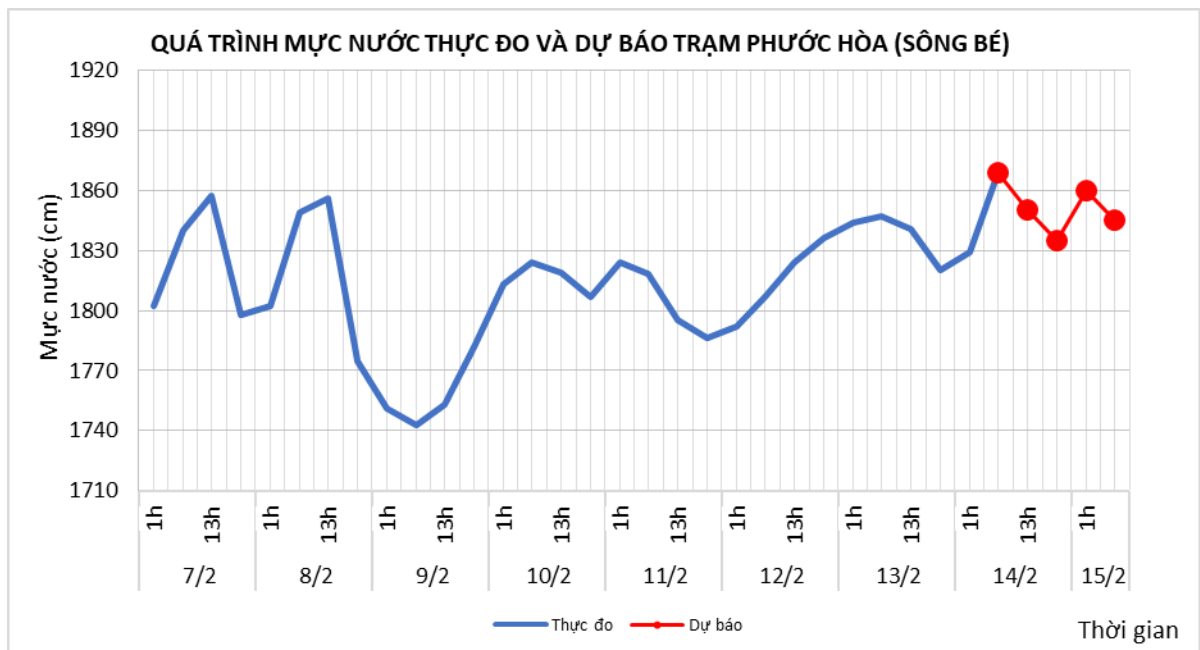
### 5.2. Sông Bé

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Bé biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Bé tiếp tục biến đổi chậm.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

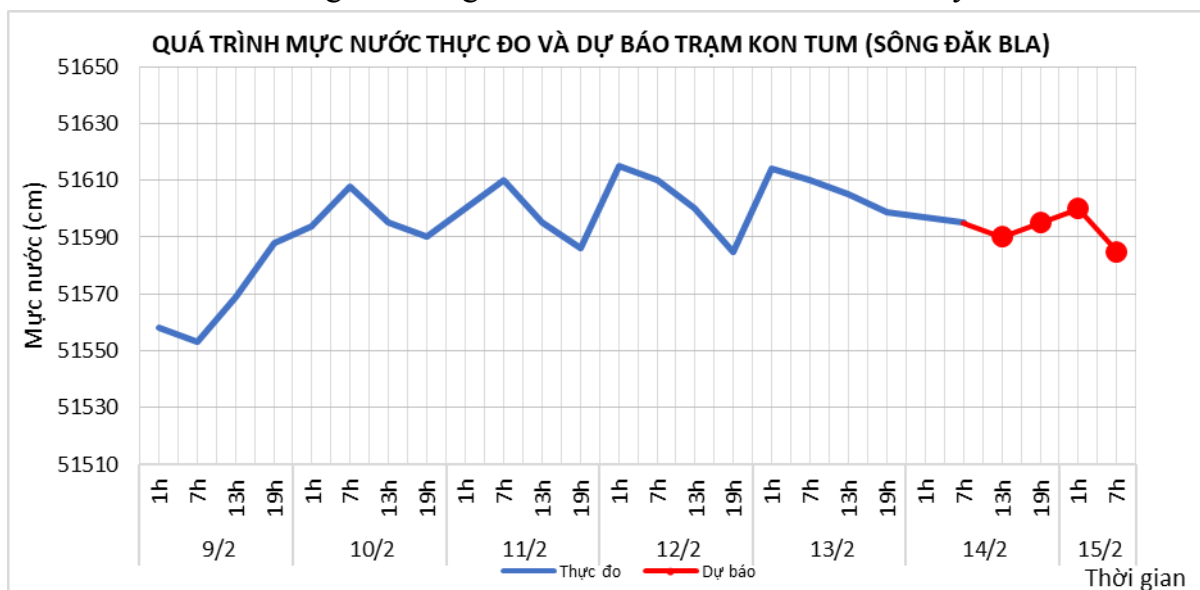
### 6.1. Sông Đắk Bla

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông dao động theo điều tiết của các hồ chứa thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên các sông dao động theo điều tiết của các hồ chứa thủy điện.



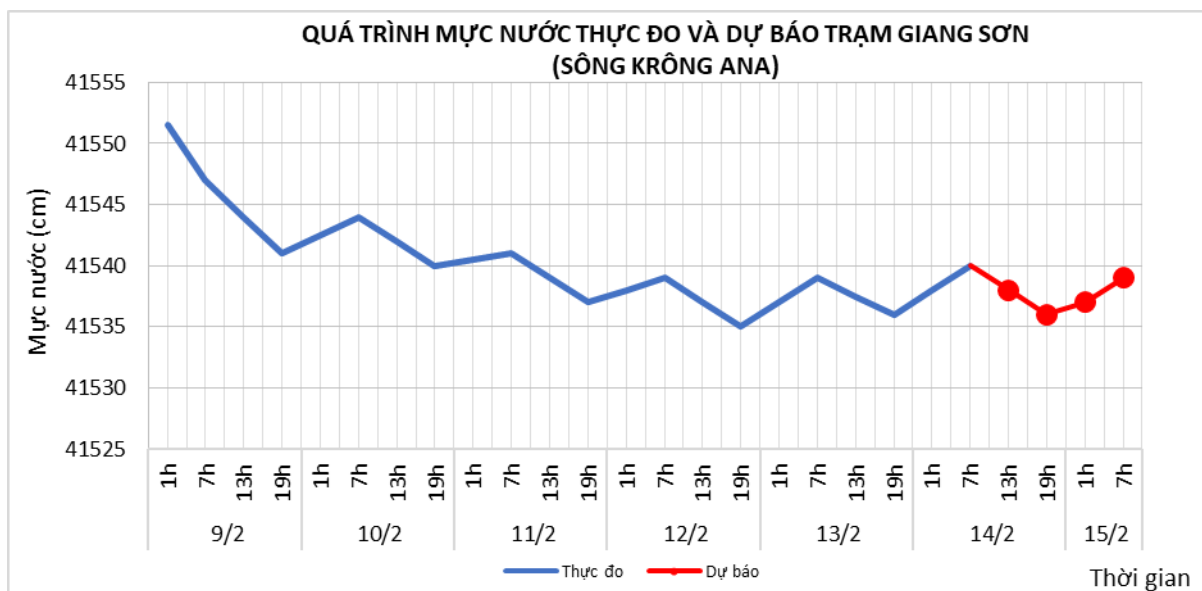
### 6.2. Sông Krông Ana

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Krông Ana biến đổi chậm. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của hồ chứa thủy điện.



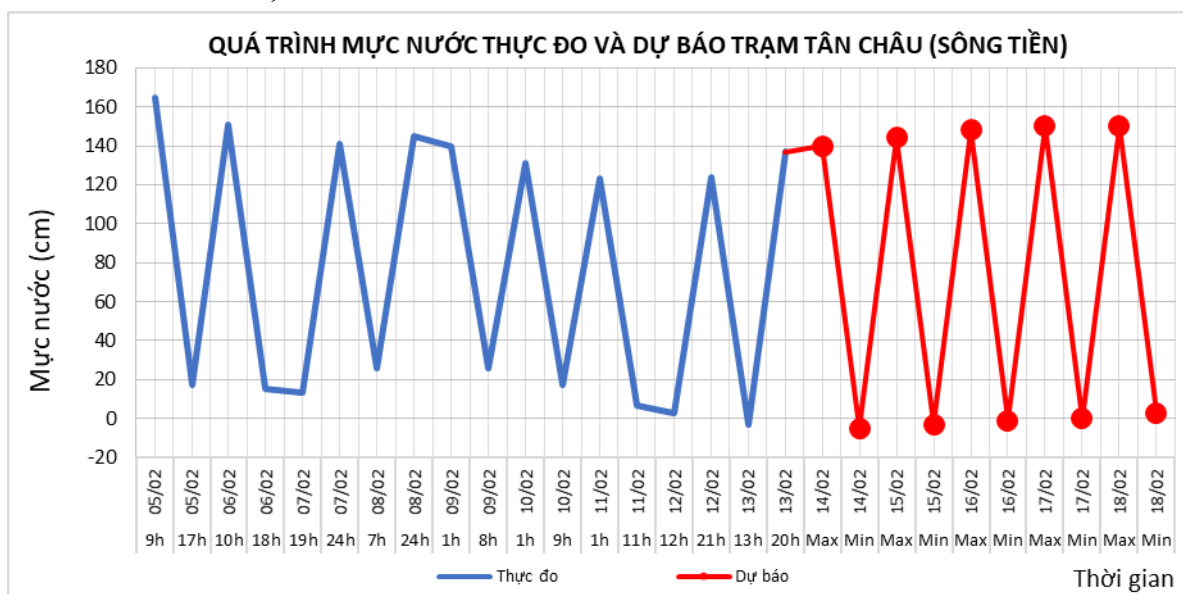
### 6.3. Sông Cửu Long

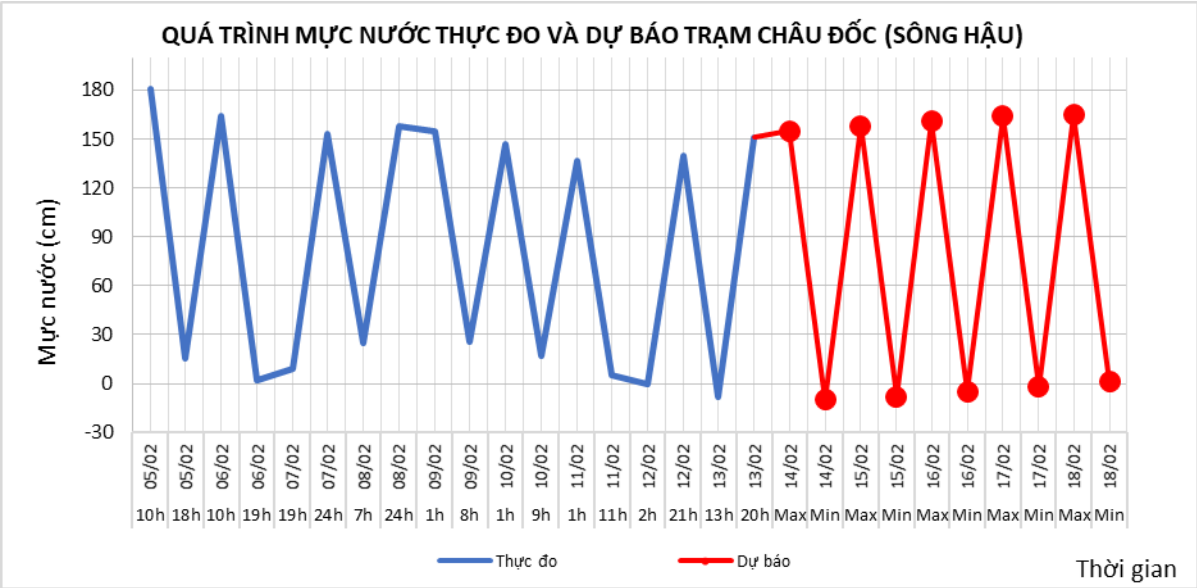
#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Mức nước cao nhất ngày 13/02 trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 1,37m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 1,51m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Đến ngày 18/2, mức nước cao nhất ngày trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 1,50m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 1,65m.





II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông      | Trạm            | Mực nước thực đo (cm) |           |          |          | Mực nước dự báo (cm) |   |           |   |          |   |          |   |           |   |           |   |          |   |          |   |
|-----------|-----------------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------------------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|-----------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|
|           |                 | 13h-13/02             | 19h-13/02 | 1h-14/02 | 7h-14/02 | 13h-14/02            |   | 19h-14/02 |   | 1h-15/02 |   | 7h-15/02 |   | 13h-15/02 |   | 19h-15/02 |   | 1h-16/02 |   | 7h-16/02 |   |
| Đà        | Hồ Hòa Bình (*) | 831                   | 814       | 945      | 394      | 300                  | ↓ | 750       | ↑ | 850      | ↑ | 200      | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Yên Bái         | 2316                  | 2310      | 2332     | 2334     | 2320                 | ↓ | 2315      | ↓ | 2330     | ↑ | 2335     | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Phú Thọ         | 1105                  | 1116      | 1115     | 1108     | 1105                 | ↓ | 1105      | → | 1115     | ↑ | 1110     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Tuyên Quang     | 1249                  | 1246      | 1281     | 1205     | 1250                 | ↑ | 1245      | ↓ | 1275     | ↑ | 1210     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Vũ Quang        | 430                   | 429       | 427      | 427      | 430                  | ↑ | 425       | ↓ | 420      | ↓ | 420      | → |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Hồng      | Hà Nội          | 125                   | 79        | 68       | 151      | 120                  | ↓ | 75        | ↓ | 80       | ↑ | 150      | ↑ | 130       | ↓ | 80        | ↓ | 100      | ↑ | 155      | ↑ |
| Cả        | Nam Đàn         | -8                    | -42       | 90       | 106      | 10                   | ↓ | -40       | ↓ | 80       | ↑ | 125      | ↑ | 30        | ↓ | -35       | ↓ |          |   |          |   |
| Kôn       | Thanh Hòa       | 674                   | 671       | 672      | 668      | 666                  | ↓ | 665       | ↓ | 662      | ↓ | 665      | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đồng Nai  | Tà Lài          | 11033                 | 11032     | 11027    | 11025    | 11030                | ↑ | 11020     | ↓ | 11025    | ↑ | 11015    | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Bé        | Phước Hòa       | 1841                  | 1820      | 1829     | 1869     | 1850                 | ↓ | 1835      | ↓ | 1860     | ↑ | 1845     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đăkbla    | Kon Tum         | 51605                 | 51599     | 51597    | 51595    | 51590                | ↓ | 51595     | ↑ | 51600    | ↑ | 51585    | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Krông Ana | Giang Sơn       | 41538                 | 41536     | 41538    | 41540    | 41538                | ↓ | 41536     | ↓ | 41537    | ↑ | 41539    | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |

Ghi chú: (\*): Q m³/s

| Sông      | Trạm            | Thực đo 24h và 36h qua (cm) |   |                    |   | Dự báo 24h và 36h tới (cm) |   |                    |   |
|-----------|-----------------|-----------------------------|---|--------------------|---|----------------------------|---|--------------------|---|
|           |                 | Mực nước cao nhất           |   | Mực nước thấp nhất |   | Mực nước cao nhất          |   | Mực nước thấp nhất |   |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 107                         | ↑ | 27                 | → | 115                        | ↑ | 30                 | ↑ |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 111                         | ↑ | 2                  | ↑ | 115                        | ↑ | 5                  | ↑ |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 110                         | ↑ | -17                | ↓ | 115                        | ↑ | -15                | ↑ |
| Thái Bình | Phả Lại (**)    | 126                         | ↑ | -3                 | → | 130                        | ↑ | -1                 | ↑ |
| Mã        | Giàng (**)      | 153                         | ↑ | -64                | ↑ | 165                        | ↑ | -70                | ↓ |
| La        | Linh Cảm        | 118                         | ↑ | -82                | ↓ | 130                        | ↑ | -90                | ↓ |
| Gianh     | Mai Hóa         | 75                          | ↑ | -46                | ↓ | 82                         | ↑ | -46                | → |
| Hương     | Kim Long        | 46                          | ↓ | 38                 | ↓ | 45                         | ↓ | 37                 | ↓ |
| Thu Bồn   | Câu Lâu         | 56                          | ↑ | -33                | ↑ | 62                         | ↑ | -30                | ↑ |
| Trà Khúc  | Trà Khúc        | 78                          | ↑ | 1                  | ↓ | 82                         | ↑ | -2                 | ↓ |
| Đà Rằng   | Phú Lâm         | 45                          | ↑ | -50                | ↑ | 60                         | ↑ | -65                | ↓ |

Ghi chú: Các trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

| Sông      | Trạm     | Mực nước cao nhất ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   | Mực nước thấp ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|-----------|----------|------------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|--------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|
|           |          | Thực đo                |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   | Thực đo            |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|           |          |                        |   | 13/02  |   | 14/02 |   | 15/02 |   | 16/02 |   |                    |   | 17/02  |   | 18/02 |   | 13/02 |   | 14/02 |   | 15/02 |   | 16/02 |   |
| Sông Tiền | Tân Châu | 137                    | 📈 | 140    | 📈 | 144   | 📈 | 148   | 📈 | 150   | 📈 | 150                | 📉 | -3     | 📉 | -5    | 📉 | -3    | 📈 | -1    | 📈 | 0     | 📈 | 3     | 📈 |
| Sông Hậu  | Châu Đốc | 151                    | 📈 | 155    | 📈 | 158   | 📈 | 161   | 📈 | 164   | 📈 | 165                | 📈 | -8     | 📉 | -10   | 📉 | -8    | 📈 | -5    | 📈 | -2    | 📈 | 1     | 📈 |

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30’ ngày 15/02**

**Tin phát lúc: 10h30’**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Phùng Tiến Dũng**